

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**CHI CỤC TRỒNG TRỌNG
VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

Số: **193** /BC-CCTTBVTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **01** tháng **3** năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 21 tháng 02 năm 2023 đến ngày 28 tháng 02 năm 2023)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Có mây, đêm không mưa, ngày nắng. Gió đông bắc cấp 2 - 3. Nhiệt độ thấp nhất từ 22°C - 25°C, nhiệt độ cao nhất từ 30°C - 32°C, có nơi trên 32°C.

Dự báo tuần tới: Có nắng nóng cục bộ ở khu vực miền đông. Nhiệt độ trung bình từ: 26,0°C – 27,0°C. Giá trị tổng lượng mưa <10mm.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa Vụ Đông xuân 2022 – 2023

Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Mạ	-
Đẻ nhánh	100
Làm đồng	371
Trổ	947
Chín	2.049
Thu hoạch	681
Tổng	4.148

b) Cây trồng khác

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
1. Cây rau Đông xuân 2022-2023	5.478,9		2. Hoa, cây kiểng	Nhiều giai đoạn	1.699,8
- RALNN	Nhiều giai đoạn	1.509,2	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	340
- RALDN	-		Hoa mai	Nhiều giai đoạn	765
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	455,9	3. Cây lương thực	Nhiều giai đoạn	381,4
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	369,7	Bắp	Sinh trưởng	314,0
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	232,0	Khoai mì	Sinh trưởng	65,4
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	182,2	4. Cây công nghiệp	Nhiều giai đoạn	1.314,9
- RMN	Nhiều giai đoạn	1.865,0			

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước;

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Số liệu theo dõi côn trùng vào bẫy đèn rầy nâu trên lúa (con/bẫy/đêm)

TT	HUYỆN	XÃ	Ngày vào đèn							
			20/02	21/02	22/02	23/02	24/02	25/02	26/02	27/02
1	Củ Chi	Thái Mỹ	21	34	27	39	43	52	48	54
		Trung Lập Thượng	56	64	76	128	60	52	64	-

III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

a) Trên cây lúa vụ Đông xuân 2022 - 2023

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m^2), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phô biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sâu cuốn lá	1-5			1-5	CC, HM
2	Bọ xít hôi	3-5			1-3	CC, HM
3	Sâu phao	1-5			1-5	HM
4	OBV	3-10			Các giai đoạn	CC, HM
5	Chuột	3			Các giai đoạn	CC, HM, BT
6	Đạo ôn	3-10			1-3	CC, HM, BT
7	Đồm vằn	3-5			1-3	CC
8	Vàng lá	2-10			1-3	BT

b) Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu trên cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m^2), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phô biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhảy	2-120			1-5	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	1-10			1-5	HM, Q12, CC, BC, BT
3	Sâu tơ	3-12			1-5	TĐ, HM, Q12, BC, BT
4	Dòi đục lá	2-6			1-5	HM, CC
5	Sâu đục trái	2-4			1-5	BC
6	Sâu ăn tạp	2-100			1-5	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
7	Bọ trĩ	1-10			1-5	CC, BC
8	Rầy mềm	1-900			1-5	BC, BT
9	Rầy xanh	3-7			1-5	HM, BC, CC
10	Rầy xám	100->500			1-5	TĐ, HM, Q12
11	Bọ phấn	2-10			1-5	CC
12	Sâu đục đốt	5-10			1-5	BC
13	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
14	Ruồi đục trái	3-5			1-5	BC, CC
15	OBV	3-30			Các giai đoạn	TĐ, HM, Q12
16	Óc sên	2-5			Các giai đoạn	Q12, BC
17	Tnhũn/r.cải	1-10			1-3	HM, Q12, BC
18	Rì trắng/RM	2-10			1-3	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
19	Đồm lá	2-5			1-3	BC, HM, Q12
20	Ph.vàng/dưa leo, khổ qua	5-7			1-3	HM
21	Vàng lá	2-10			1-3	TĐ, HM

2. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

a) Cây lúa vụ Đông xuân 2022 - 2023

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 1.126,8 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (921,9 ha). Các sinh vật hại trên lúa hiện nay chủ yếu gồm có: Sâu cuốn lá, bọ xít hôi, ốc bươu vàng, chuột, bệnh đạo ôn, đóm vắn. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

- *Sâu cuốn lá*: gây hại trên 62,1 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (56,4 ha).
- *Bọ xít hôi*: gây hại trên 68,7 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (53,9 ha).
- *Ốc bươu vàng*: gây hại trên 803 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (673 ha).
- *Chuột*: gây hại trên 79,3 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (51 ha).
- *Bệnh đạo ôn*: gây hại trên 67,4 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (56,4 ha).
- *Bệnh đóm vắn*: gây hại trên 45 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (31 ha).

b) Cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau trong tuần qua là 588 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (678,5 ha), trong đó diện tích phòng trừ là 370,1 lượt ha chiếm 62,9% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, bọ nhảy, rầy xám, bệnh rỉ trắng và ốc bươu vàng. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- *Sâu ăn tạp*: gây hại trên 119,2 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (143,2 ha).
- *Sâu xanh*: gây hại trên 56,1 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (62,6 ha).
- *Bọ nhảy*: gây hại trên 25,9 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (23,4 ha).
- *Rầy xám*: gây hại trên 23,5 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (58,3 ha).
- *Ốc bươu vàng*: gây hại trên 208,5 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (218,6 ha).
- *Bệnh rỉ trắng*: gây hại 35,7 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (54,0 ha).
- *Bệnh thối nhũn*: gây hại 8,8 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (10,5 ha).
- *Bệnh đóm lá*: gây hại 10,0 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (13,3 ha).

c) Cây hoa kiêng

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại là 24,2 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (46,3 ha). Diện tích phòng trừ sinh vật hại trên hoa lan, cây kiêng là 21,2 ha chiếm 87,7% diện tích nhiễm sinh vật hại. Trong đó:

- *Cây hoa lan*: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 11,5 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (9,6 ha)
- *Cây hoa mai*: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 12ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (35,9 ha).
- *Cây hoa khác*: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 0,7 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (0,8 ha).

d) Trên cây trồng khác

Cây khoai mì: Tổng diện tích trồng khoai mì bị nhiễm bệnh khâm lá là 0,5 ha, chiếm 0,76% diện tích gieo trồng (65,4 ha). Bệnh gây hại chủ yếu ở mức độ nhẹ dưới 30% và gây hại chủ yếu trên các giống khoai mì KM505 (0,5 ha).

Cây dừa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đàu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dừa.

Cây bắp: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu keo mùa thu (*Spodoptera frugiperda*) gây hại trên cây bắp.

IV. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

a) Cây lúa

- *Rầy nâu*: Rầy nâu ngoài đồng phổ biến tuổi 2 – tuổi 4, với mật số rầy thấp. Chú ý đi thăm đồng càn vạch gốc lúa quan sát kỹ, khi thấy rầy tuổi 2 - 3 xuất hiện với mật số cao (>3 con/tép) có thể sử dụng một trong các thuốc bảo vệ thực vật chống lột xác nấm trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam để phun trừ theo nguyên tắc 4 đúng.

- *Chuột*: Cần chú ý chuột hại trên các trà lúa đang ở giai đoạn đòng - trổ chín.

- *Các loại bệnh hại*: Thăm đồng thường xuyên, theo dõi sát diễn biến của bệnh hại trên đồng. Cần chú ý bệnh đạo ôn, đốm vằn trên lúa giai đoạn đẻ nhánh - đồng trổ, bệnh đạo ôn cổ bông, lem lép hạt giai đoạn lúa đồng trổ - chín. Ở những ruộng trồng giống nhiễm, gieo sạ dày, bón thừa phân đậm hoặc đã nhiễm đạo ôn lá ở giai đoạn trước trổ cần chủ động phun ngừa bệnh đạo ôn cổ bông, lem lép hạt để bảo vệ năng suất, phẩm chất lúa.- Các đối tượng khác xuất hiện và gây hại với tỷ lệ và mật số không cao.

b) Cây rau

- *Rau ăn lá*: Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như thối nhũn, gỉ trắng trên cây rau muống.

- *Rau ăn quả*: Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đốm lá, vàng lá.

c) Cây hoa kiểng

- *Hoa lan*: Bệnh thán thư, thối thân, vàng lá, đốm lá và một số côn trùng gây hại như nhện đỏ, muỗi đục nụ, óc sên.

- *Hoa mai*: Sâu ăn lá, rầy xanh, bọ trĩ, bệnh nấm hồng.

d) Cây trồng khác

- *Cây khoai mì*: Cần theo dõi bệnh khâm lá virus đối với diện tích xuống giống mới. Lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại như: nhện đỏ, bọ phấn trắng, rệp sáp bột hồng, rệp sáp... gây hại trên săn giai đoạn phát triển thân lá - phát triển củ - thu hoạch.

- *Cây bắp*: Cần lưu ý sâu keo mùa thu... trên bắp ở giai đoạn 5 lá - xoáy nõn - trổ cờ. Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại khác như sâu xám, bệnh đốm lá, chuột,...

- *Cây dừa*: Cần lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy đầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vươn lóng.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khâm lá virus hại sắn.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát phòng chống hiện tượng lùn xoán lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ NN&PTNT ban hành trong công văn số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại./.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTM Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHCN);
- UBND TP.Thủ Đức;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTM các tỉnh phía Nam;
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTM, TT;
- Trạm TTBVTM;
- Lưu: VT, BVTM.ĐTH (02).

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**





Phụ lục I

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA

(Kèm theo Báo cáo số: **193**/BC-CCTTBVTV, ngày **01** tháng **3** năm 2023 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

1. Vụ Đông xuân 2022 - 2023

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-) Kỳ trước CKNT	DT phòng trù (ha)	Phân bón
		Nhẹ-Tb	Nặng	MTR				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Sâu cuốn lá	62,1			62,1	72,1	56,4	CC, HM
2	Bọ xít hồi	68,7			68,7	79,6	53,9	CC, HM
3	Sâu phao	0,3			0,3	0,5	0,2	HM
4	OBV	67,4			67,4	76	56,4	CC, HM
5	Chuột	45,0			45,0	53	31	CC, HM, BT
6	Đao ôn	803,0			803,0	858	673	CC, HM, BT
7	Đóm vắn	79,3			79,3	85,2	51	CC
8	Vàng lá	1,0			1,0	-	-	BT
	Tổng	1.126,8			1.126,8	1.225,4	921,9	

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-CCTTBVTW, ngày tháng năm 2023 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

Phụ lục II

/BC-CCTTBVTW, ngày tháng năm 2023 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)		Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-) kỳ trước	DT phòng trù (ha)	Phân bố		
		Nhẹ-Tb	Nặng MT						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bọ nhảy	25,9		25,9	25,8	23,4	16,4	HM, Q12, BC, BT	
2	Sâu xanh	56,1		56,1	59,6	62,6	37,4	HM, Q12, CC, BC, BT	
3	Sâu tơ	16,1		16,1	15,9	14,2	9,7	TD, HM, Q12, BC, BT	
4	Dòi đục lá	15,4		15,4	15,4	4,7	8,2	HM, CC	
5	Sâu đục trái	1,8		1,8	1,8	1,6	1,8	BC	
6	Sâu ăn tạp	119,2		119,2	117,5	143,2	73,3	TD, HM, Q12, CC, BC, BT	
7	Bọ trĩ	15,8		15,8	15,8	19,0	8,8	CC, BC	
8	Rầy mềm	1,3		1,3	1,2	1,6	1,2	BC, BT	
9	Rầy xanh	14,3		14,3	12,6	26,1	6,8	HM, BC, CC	
10	Rầy xám	23,5		23,5	24,0	58,3	12,1	TD, HM, Q12	
11	Bọ phấn	10,0		10,0	7,0	7,1	6,0	CC	
12	Sâu đục dột	1,1		1,1	1,1	1,6	1,1	BC	
13	Bọ xít đen	4,0		4,0	4,0	1,0		TD	
14	Ruồi đục trái	11,4		11,4	11,4	10,5	9,4	BC, CC	
15	OBV	208,5		208,5	208,5	218,6	136,7	TD, HM, Q12	
16	Óc sên	0,60		0,60	0,60	0,5	0,5	Q12, BC	
17	Tnhũn/r.cải	8,8		8,8	9,5	10,5	5,4	HM, Q12, BC	
18	Ri trắng/RM	35,7		35,7	35,8	54,0	24,3	TD, HM, Q12, CC, BC, BT	
19	Đỗm lá	10,0		10,0	9,2	13,3	6,3	BC, HM, Q12	
20	Ph.vàng/dưa leo, khổ qua	1,4		1,4	1,7	4,4	0,8	HM	
21	Vàng lá	7,1		7,1	7,2	2,3	3,9	TD, HM	
	Tổng	588,0		588,0	585,6	678,5	370,1		

Phụ lục III
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY HOA KIẾNG
(Kèm theo Báo cáo số: **193** /BC-CCTTBVTV, ngày **01 tháng 3 năm 2023** của Chi cục TTBVTV)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)			Tổng DTN (ha)	Ký trước	So sánh DTN (+/-)	DT phòng trừ (ha)	Phân bón
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Hoa lan	11,46			11,46	11,76	9,61	10,7	
1	Muỗi hại bông	4,88			4,88	5,37	4,17	4,71	TD, HM, CC, BC, BT, CG, Q7
2	Nhện đỏ	0,3			0,3	0,2	0,2	0,3	BC
3	Rệp vảy	0,12			0,12	0,12	0,12	0,07	CC, BC
4	Bọ trĩ	0,55			0,55	0,55	0,6	0,45	CC, BC
5	Óc sên	0,2			0,2	0,2	0,2	0,2	TD, CG
6	Đỗm lá	3,12			3,12	3,03	1,98	2,91	TD, HM, Q12, CC, CG, Q7
7	Khô đầu lá	0,15			0,15	0,15	0,25	0,15	CG, Q7
8	Thói nhũn	0,92			0,92	0,92	0,88	0,79	CC, BC, CG, Q7
9	Đỗm đen	0,42			0,42	0,42	0,41	0,32	CC
10	Vàng lá	0,6			0,6	0,6	0,6	0,6	BC
11	Bọ cánh cứng	0,1			0,1	0,1	0,1	0,1	BC
12	Rêu xanh	0,1			0,1	0,1	0,1	0,1	TD
II	Hoa mai	12,04			12,04	21,73	35,87	9,86	
1	Nhện đỏ	2,1			2,1	2,11	2,79	2,05	TD, HM, Q12, CC, CG
2	Sâu ăn lá	2,55			2,55	2,94	15,42	2,55	TD, HM, Q12, BC, CG
3	Bọ trĩ	2,93			2,93	3,89	3	2,92	TD, HM, Q12, CC, CG, BC
4	Sâu đục thân	0,08			0,08	0,2		0,08	HM
5	Rầy xanh	0,1			0,1			0,1	BC
6	Cháy lá	1,73			1,73	2,73	6,21	1,61	TD, CC
7	Mộc cam	0,35			0,35	0,35	0,35	0,35	CG
8	Nấm hồng	0,2			0,2	0,31	0,21	0,2	BC, BT
9	Rong rêu	2			2	9	8	0	TD
III	Cây hoa khác	0,69			0,69	0,79	0,79	0,67	TD, CC, BC, CG
	Tổng cộng	24,19			24,19	34,18	46,29	21,23	

CHI CỤC TRÔNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

